

# Ca Dao, Tục Ngữ Việt Nam

## Phương Lan

(Trích trong: Đại cương về dòng Văn học Dân gian, lớp Đại cương về Văn học Việt nam)

Văn chương truyền khẩu

Người là sinh vật biết nhận thức, có ý nghĩ, tình cảm, và khả năng diễn đạt những ý nghĩ, tình cảm ấy. Trong lịch sử văn học của các dân tộc, trước khi tiến tới giai đoạn có chữ viết với những sáng tác được ghi chép thành văn, trong dân gian đã có: những câu nói ngắn, gọn, có ý nghĩa; những câu hát theo giọng điệu tự nhiên để biểu lộ, gửi gắm tình cảm; những mẫu chuyện để cắt nghĩa các hiện tượng thiên nhiên hay các tập tục, tín ngưỡng Văn học dân gian truyền khẩu (với những tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích) xuất hiện trong rất nhiều xã hội trước khi con người tìm ra chữ viết.

Trong văn học sử Trung Hoa, khởi đầu cho thơ ca chính là những câu hát dân gian mà về sau Khổng tử đã sưu tập lại trong Kinh Thi Tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích (proverbs, folk songs, folk poetry, folk tales, hay nói chung, folk literature) là tài liệu văn học quan trọng của nhiều dân tộc trên thế giới, không riêng gì dân tộc Việt Nam.

Đối với dân tộc ta, dòng văn học dân gian có một địa vị đáng kể hơn thế nữa. Suốt trên 1000 năm Bắc thuộc, văn tự chính thức được công nhận là chữ Hán, thứ chữ không diễn đạt được tiếng nói của dân Việt. Sau khi lấy lại được chủ quyền, tuy tiên nhân ta có thêm chữ nôm, nhưng chữ này khó học, khó nhớ vì lại do chữ Hán ghép thành (muốn biết chữ nôm phải thông thạo chữ Hán trước). Vì thế trong xã hội ta xưa, số người biết đọc, biết viết để có thể diễn đạt ý tưởng, tình cảm bằng chữ (bất kể chữ nôm hay chữ Hán) rất ít. Đa số dân chúng đã sáng tác và lưu giữ các tác phẩm dưới dạng truyền khẩu. Chính vì thế, dòng văn học dân gian truyền khẩu rất phong phú và quan trọng trong kho tàng văn học Việt Nam.

Văn học truyền khẩu không hoàn toàn là sáng tác của người bình dân ít học. Trước khi thành đạt, đa số nho sĩ sinh sống, học hành ở thôn quê.

Nhiều ẩn sĩ, hàn nho ở với nông thôn suốt đời. Trong những dịp hội hè, trong các cuộc gặp gỡ, hát xướng, nhiều câu nói, câu hát của các vị đã được người bình dân ít học ghi nhớ rồi từ đó, gia nhập dòng văn học dân gian. Theo nhiều tài liệu, Trạng nguyên Lương Thế Vinh (ông Trạng Lường), thi hào Nguyễn Du (cậu Chiêu Bày), nhà cách mạng Phan Bội Châu (ông Giải San), nhà thơ Nguyễn Bình đều đã từng tham dự các sinh hoạt ca hát ở thôn quê và có tác phẩm để lại, làm giàu thêm cho kho tàng văn học dân gian. Ta có thể tin nhiều nho sĩ, trí thức khác cũng đã có những hành động tương tự.

## TỤC NGỮ

Định nghĩa và biệt loại:

Tục ngữ (tục: thói quen có đã lâu đời; ngữ: lời nói) là những câu nói ngắn, gọn, giàu ý nghĩa, được dùng trong lời nói hàng ngày và lưu

truyền từ đời nọ qua đời kia. Tục ngữ còn được gọi là ngôn ngữ (lời người xưa truyền lại). Có ý nghĩa hẹp hơn tục ngữ là:

Phương ngôn:

Những câu tục ngữ được dùng trong một vùng, một địa phương chứ không phổ biến khắp nước.

Cách ngôn, Châm ngôn:

Những câu tục ngữ có ý khuyên dạy luân lý ("cách" là phương thức, "châm" là lời răn bảo).

Thành ngữ:

Một loại tục ngữ đặc biệt, tự nó chưa có ý nghĩa đầy đủ Thành ngữ chỉ là những cách nói đã định sẵn (set expressions) để mô tả sự vật chứ không biểu thị một ý phán đoán hay khuyên răn nạo Chẳng hạn:

Đàn gảy tai trâu  
Đáy bể mò kim  
Nói hươu nói vượn  
Gần đất xa trời  
Tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa  
Ngậm bồ hòn làm ngọt  
Cành trướng chọi với đá  
Chốn miệng hùm nọc rắn  
Xứ tiền rừng bạc biện

Trong các thành ngữ, có những câu điển ý so sánh hai sự vật để làm nổi bật việc mô tả, được gọi là những Câu vị  
Chẳng hạn:  
Lạnh như tiền

Thẳng như ruột ngựa  
Chắc như đinh đóng cột  
Đốt đặc cán mai  
Lúng túng như thợ vụng mất kìm

Nguồn gốc của tục ngữ:

Phần lớn các tục ngữ này sinh trong đời sống hàng ngày Ban đầu, có khi chỉ là một câu nói thường nhưng nhờ có ý nghĩa xác đáng, lời lẽ cô đọng, dễ nhớ, được người khác thích thú, nhắc đi nhắc lại Dần dần, câu nói được trau chuốt và phổ biến rộng hơn

Có những câu vốn là thơ ca có tác giả nhưng nhờ ý đúng, lời hay, được nhiều người lưu tâm một cách đặc biệt rồi tách riêng để truyền tụng Những câu như Thương người như thể thương thân trong Gia huấn ca (tương truyền của Nguyễn Trãi), Khi nên trời cũng chiều người, hay Chữ "tài" liền với chữ "tai" một vần trong Truyện Kiều của Nguyễn Dụ có thể xếp vào loại này

Có những câu tục ngữ được dịch từ ngôn ngữ nước ngoài như:  
Ở hiền gặp lành (Tích thiện phùng thiện Trung hoa)

Có công mài sắt, có ngày nên kim (Ma chữ thành châm Trung hoa)

Lửa cháy đổ dầu thêm (Hoả thượng thêm du Trung hoa)

Thời giờ là tiền bạc (Time is money Anh)

Muốn là được (Vouloir, cest pouvoir Pháp)

Hình thức của tục ngữ:

Trong tục ngữ có những câu:

Không vắn, chỉ có ý đối:

Giơ cao, đánh sế

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài

No nên bụt, đối ra ma

Không vần, không đối, chỉ cốt ý đúng, lời gọn:

Mật ngọt chết ruồi

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Nhưng phần lớn tục ngữ là những câu có vần, thường là vần lưng (yêu vận):

Ăn cây nào rào cây ấy  
Phép vua thua lệ làng  
Con có cha như nhà có nóc  
Một giọt máu đào hơn ao nước lã  
Cơn đặng đông vừa trông vừa chạy

Đôi khi có những câu thêm cả vần chân (cước vận):

Khôn cho người rái,  
Dại cho người thương,  
Dở dở ương ương,  
Tổ cho người ghét

## **CA DAO**

Định nghĩa và biệt loại:

Ca dao (ca: bài hát thành chương khúc; dao: bài hát ngắn, không thành chương khúc) là những câu hát theo giọng điệu tự nhiên lưu hành trong dân gian, thường diễn tả ý nghĩ, tình cảm, nếp sinh hoạt của đại chúng bình dân Ca dao còn được gọi là phong dao ("phong" là phong tục). Người xưa cho rằng qua ca dao có thể nhận biết phong tục tốt, xấu của một xứ, một vùng

Một biệt loại khá quan trọng của ca dao là đồng dao ("đồng": trẻ con). Đồng dao là những bài hát dành cho trẻ con, toàn bài nhiều khi chỉ là một số câu có vần ghép lại với nhau, không có ý nghĩa rõ rệt Tuy nhiên, đồng dao có thể giúp trẻ học một số danh từ về các vật thường gặp Chẳng hạn:

Dung dăng dung dè

Dắt trẻ đi chơi  
Đến cửa nhà trời  
Lạy cậu lạy mợ  
Cho cháu về quê  
Cho dê đi học  
Cho cóc ở nhà  
Cho gà bới bẹp

hay:

Cái bóng đi chợ cầu Canh  
Cái tôm đi trước, củ hành đi sau  
Con cua lật đật theo hầu  
Cái chày rơi xuống vỡ đầu con cựa

Một số biệt loại nữa của ca dao là các bài hát ru em, các bài vè, và các câu đố

Vè là một loại ca dao có tính cách thời sự và địa phương, làm ra nhân một việc xảy ra tại địa phương khiến dư luận xôn xao Vè thường nhằm mục đích chỉ trích, chế giễu

Không có ranh giới rõ rệt giữa ca dao và dân ca Có thể coi ca dao là phần lời thơ của các bài dân ca

Ca dao khác tục ngữ ở chỗ theo định nghĩa ca dao có thể hát lên được (tục ngữ: câu nói; ca dao: câu hát). Trong ca dao, vần điệu rõ rệt và âm hưởng êm ái hơn Nói chung, câu ca dao dài hơn câu tục ngữ, và thường có nhiều câu hợp lại thành bài Xét theo nội dung, tục ngữ thường là những nhận xét thuộc phạm vi lý trí trong khi ca dao là tiếng nói của tình cảm Tuy nhiên, sự phân biệt này cũng không được chặt chẽ cho lắm: nhiều câu ca dao cũng thuộc phạm vi lý trí

Cách kết cấu của ca dao:

Các học giả lớp trước thường theo Kinh Thi của Trung hoa mà phân biệt ba lối kết cấu (lập ý, dàn ý) của ca dao là: phú, tỉ, và hứng

Phú: là phô bày, mô tả, nói thẳng vào sự việc Chẳng hạn:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh  
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ  
Ai vô xứ Nghệ thì vô!

hay:

Ngang lưng thì thắt bao vàng  
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài  
Một tay thì cặp hoả mai  
Một tay cặp dáo quan sai xuống thuyền  
Thùng thùng trống đánh ngũ liên  
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa

Tỉ: là ví, so sánh, mượn một sự vật khác để ngụ điều mình muốn nói Chẳng hạn:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

hay:

Nực cười châu chấu đá xe  
Tưởng rằng chấu nát, ai dè xe nghiêng  
Hứng: là nổi lên, trở dậy, nhân một sự vật bên ngoài mà ý tưởng, tình cảm chính bộc lộ ra Chẳng hạn:

Quả cau nho nhỏ  
Cái vỏ vân vân  
Nay anh học gần  
Mai anh học xa  
Tiền gạo là của mẹ cha  
Cái nghiên, cái bút thực là của em

hay:

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng  
Ước gì anh lấy được nàng  
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây  
Xây dọc rồi lại xây ngang  
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân

Cũng có bài ca dao kết cấu theo nhiều lối khác nhau như:

\* Vừa phú vừa ti:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng  
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh  
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Ba câu trên tả hoa sen (phú), câu cuối ví hoa sen với người quân tử (ti).

\* Vừa phú vừa hứng:

Rủ nhau xuống bể mò cua  
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng  
Ai ơi chua ngọt đã từng  
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau!

Ba câu trên nói những nỗi gian nan, từng trải qua cảnh sống khổ cùng nhau của hai vợ chồng (phú), nhân đó đưa tới ý chính trong câu cuối cùng (hứng).

\* Vừa ti vừa hứng:

Dao vàng bỏ dẫy kim hung  
Biết người quân tử có dùng ta chẳng  
Ý chung cả hai câu là nhân chuyện dao vàng mà nghĩ đến mình  
(hứng).

Riêng câu trên ví mình với con dao vàng (ti).

\* Kiêm cả ba lối:

Trèo lên cây bưởi hái hoa  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc  
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!  
Ba đồng một mớ trâu cay  
Sao anh không hỏi những ngày còn không  
Bây giờ em đã có chồng  
Như chim vào lồng, như cá cắn cậu  
Cá cắn cậu biết đâu mà gỡ!  
Chim vào lồng biết thuở nào ra!

Ba câu đầu là "phú", chuyển sang câu thứ 4 thành "hứng", ba câu cuối là "ti" hay:

Sơn bình, Kè Gốm không xa

Cách một cái quán với ba quăng đồng  
Bên dưới có sông,  
Bên trên có chợ  
Ta lấy mình làm vợ nên chẳng  
Tre già để gốc cho mặng

Bốn câu đầu là "phú", chuyển sang câu thứ 5 thành "hứng", riêng câu cuối là "ti".

Hình thức của ca dao:

Số câu trong bài:

Số câu trong một bài ca dao không nhất định Ca dao có ít nhất hai câu, thông thường từ 4, 5 đến 9, 10 câu Tuy nhiên, trong những lời hát đối đáp (giao ca), một bài có thể kéo dài vô hạn định tùy khả năng nối tiếp và bắt vần của những người tham dự cuộc hát

Số chữ trong câu:

Số chữ trong câu ca dao cũng không nhất định Đại để ca dao thường làm theo các thể sau đây:

\* Nói lối (mỗi câu 4 chữ):

Lạy trời mưa xuống  
Lấy nước tôi uống  
Lấy ruộng tôi cày  
Lấy đầy bát cơm  
Lấy rơm đun bếp

\* Lục bát chính thức:

Trúc xinh trúc mọc bờ ao  
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh  
Trúc xinh trúc mọc đầu đình  
Em xinh em đứng một mình cũng xinh

\* Lục bát biến thể:

Công anh đắp nấm trồng chanh  
Chẳng được ăn quả, vin canh cho cam  
Xin đừng ra dạ bắc nam  
"Nhất nhật bất kiến như tam thu hề"  
Huống "tam thu nhi bất kiến hề"  
Đường kia nổi nọ như chia mỗi sầu  
Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu  
Cầu tre vững nhịp hơn cầu thượng gia

(Các câu 5 và 7 có 7 chữ trong khi đáng lẽ chỉ có 6)

\* Song thất lục bát chính thức:

Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc  
Con chàng còn trứng nước thơ ngây  
Có hay chàng ở đâu đây  
Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng

\* Song thất lục bát biến thể:

Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc  
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!

(Câu 4 có 8 chữ trong khi đáng lẽ chỉ có 7)

\* Phối hợp nhiều thể khác nhau:

Các bài "Quả cau nho nhỏ" và "Sơn bình, Kè Gồm không xạ" nhắc đến ở trên Ta cũng có thể kể thêm bài sau đây:

Từ khi gặp mặt giữa đàng  
Thiếp quyết thương chàng cha mẹ nào hay  
Có hay thì nhất đánh nhì đày

Hai lẽ mà thôi

Thủy chung em giữ trọn mấy lời  
Chết em chịu chết, lia đôi em không lìa

(phần 2, trích trong Tiết 1 Đại-cương về dòng Văn-học Dân-gian, lớp Đại-cương về Văn-học Việt-nam)

Nói chung, ca dao và tục ngữ có giá trị văn chương khá cạo

Hình ảnh:

Nhiều hình ảnh đẹp:

Hỡi cô tát nước bên đàng  
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi

Chờ em biết đến bao giờ  
Vạc kêu khe núi, trăng mờ sườn non

Vì mây cho núi lên trời  
Vì cơn gió thoảng hoa cười với trăng

Khéo dùng những hình ảnh thân mật, gần với cuộc sống (tác dụng truyền cảm mạnh):

Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu

Trăm năm đành lỗi hẹn hò  
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa

Tóc mai sợi vắn sợi dài  
Lấy nhau chẳng đặt thương hoài ngàn năm

Hình ảnh để so sánh thật sống động:

Mặt rỗ như tổ ong bầu  
Cái răng khấp khểnh như cầu rửa chân

Đêm qua mới thật là đêm  
Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa

Thân em như tấm lụa đào  
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai

Ngữ vựng thật phong phú:

Có khi thanh nhã, bóng bẩy:

Ai đi đâu đấy hỡi ả  
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm  
Tìm em như thể tìm chim  
Chim ăn biển bắc đi tìm biển đông

Có khi cụ thể, sống động:

Anh đi đường ấy xa xa  
Để em ôm bóng trăng tà năm canh

Có khi linh hoạt, sắc bén:

Đối địch thì địch lại đây  
Bên thừng bên chảo xem dây nào bền

Em ơi chị bảo em này  
Nhất mặn là muối, nhất cay là gừng  
Nhất cao là núi Tam tùng  
Chị còn đập đổ nữa vùng cỏ may!

Em ơi chị bảo em này  
Trứng chọi với đá có ngày trứng tan!

Nhiều khi dùng ngôn ngữ mộc mạc của người bình dân (giản dị, tự nhiên):

Chim lạc bầy xa cây nhớ cội  
Người xa người tội lắm người ơi!  
Chẳng thà chẳng biết thì thôi  
Biết nhau mỗi đứa một nơi cũng phận

Cách phô diễn ý tưởng:

Tự nhiên, lưu loát:

Buồn trông chênh chếch sao mai

Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mở

Trời ơi có thấu chẳng trời  
Lựa đào mà vá áo tơ cho đành!

Dí dỏm:

Đường xa thì thật là xa

Mượn mình làm mối cho ta một người  
Một người mười tám đôi mươi  
Một người vừa đẹp vừa tươi như mình

Nghịch ngợm, bỡn cợt, khéo tạo ngạc nhiên:

Tôi mà có nói dối ai  
Thì trời đánh ngã cây khoai giữa đồng  
Tôi mà có nói dối chồng

Thì trời đánh ngã cây hồng bờ ao

Khéo dùng mỹ từ pháp:

Phép trùng điệp (điệp ngữ):

Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ  
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai

Ngày ngày em đứng em trông  
Trông non non ngắt, trông sông sông dài  
Trông mây mây kéo ngang trời  
Trông trăng trắng khuyết, trông người người xa

Khăn thương nhớ ai  
Khăn rơi xuống đất  
Khăn thương nhớ ai  
Khăn vắt lên vai  
Khăn thương nhớ ai  
Khăn chùi nước mắt  
Đèn thương nhớ ai  
Mà đèn không tắt  
Mắt thương nhớ ai  
Mắt ngủ không yên

Phép lộng ngữ (chơi chữ, bỡn chữ):

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn

Ba năm ăn ở trên thuyền

Vì anh hàng muối cho nên mặn mà  
Xuống thuyền nhíp bầy nhíp ba  
Trách anh hàng trứng ở ra đôi lòng

Sông Bờ, sông Mã, sông Thao  
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Thương

(đây không phải sông Thương trong địa dư vì trên thực tế, ba con sông nhắc đến trong câu trên không chảy vào sông Thương địa dư)

Phép cân đối:

Đói cho sạch, rách cho thơm

Miếng khi đói, gói khi no  
Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng  
Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại  
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng  
Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần  
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp kêu  
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam  
Thành xây xương lính, hào đào máu dân  
Gái có chồng như gông đeo cổ  
Trai có vợ như rợ buộc chân

Nhân cách hoá (lời lẽ bóng bẩy, kín đáo, súc tích):

Ai đi đâu đấy hỏi ai

Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm

Bây giờ mạn mới hỏi đào  
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa

Thuyền ơi có nhớ bến chăng  
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

Tầm ơi say đắm nơi đâu  
Mà tầm bỏ nghĩa cành dâu chẳng nhịn

Khéo mượn hình ảnh để so sánh:

Chim ham trái chín ăn xa

Buồn tình lại nhớ gốc đa muốn về

Có quán tình phụ cây đa  
Ba năm quán đổ, cây đa vẫn còn

Có bát sứ tình phụ bát đàn  
Nâng niu bát sứ, vỡ tan có ngày!

Tiếc thay cái tấm lụa đào  
Áo rách chẳng vá, vá vào áo tội  
Trời ơi có thấu chẳng trời  
Lụa đào mà vá áo tội cho đành!

Tiếc thay cây quế châu Thường  
Để cho thẳng mán, thẳng mường nó leo

Khéo dùng sự tích, điển cố:

... Đêm đêm tưởng dài Ngân hà

Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn  
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn  
Tào Khê nước chảy vẫn còn trợ

Ngoa ngữ và thậm xưng (để nhấn mạnh hay lối bích hoá, điểm đặc sắc của văn học dân gian):

Bao giờ trạch đẻ ngọn đa

Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình  
Bao giờ rau cải làm đình  
Gỗ lim thái ghém thì mình lấy tạ

Cưới em trăm tấm gấm đào  
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời  
... Cưới em tám vạn trâu bò  
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm  
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm  
Răng nanh thẳng Cuội, râu cằm thiên lôi  
Gan ruồi mỡ muối cho tươi  
Xin chàng chín chục con dơi goá chồng

... Xay thóc cả ngày được một đấu ba  
Đêm nằm nghĩ ngợi gần xa  
Giữ mình một cái gậy ba thang giường

Một ít câu ca dao thật đẹp:

Trong loại ca dao về tình nghĩa, nhiều câu thật cảm động:

Đi đâu cho thiếp đi cùng

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cạm

Tay bưng đĩa muối, chén gừng  
Gừng cay, muối mặn, xin đừng phụ nhau

Tay cầm đĩa muối, chén rau  
Thuỷ chung như nhất, sang giàu mặc ai

Bao giờ cạn lạch Đồng nai  
Nát chùa Thiên mục mới phai lời nguyện

Yêu nhau giàu khó chớ lo  
Một mai thiên địa lại cho xoay vần

Yêu nhau xa cũng như gần  
Tham bên phú quý, phụ bên khó coi

Yêu nhau duyên phận thì thôi  
Của thì như nước hồ vơi lại đầy

Nhiều câu ca dao đẹp một cách trong sáng, tràn đầy thi vị:

Đố ai biết lúa mấy cây

Biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng  
Đố ai quét sạch lá rừng  
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây

Sáng trăng giải chiếu hai hàng  
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ  
Xin chàng đọc sách, ngâm thơ  
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu

Nhiều câu thật truyền cảm, ý tưởng súc tích:

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ  
Buồn trông con nhện chằng tơ  
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai  
Buồn trông chênh chếch sao mai  
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ

Đêm đêm tưởng dải Ngân hà  
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn  
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở

Nhiều câu có giọng cảm khái với những ý tưởng đặc sắc:

Đêm qua chớp bể mưa nguồn

Hỏi người tri thức có buồn chăng ải  
Tưởng rằng đá nát thì thôi  
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nặng

Tay cầm bán nguyệt xênh xang  
Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta  
Quên mình giữa đám cỏ hoa  
Buồn tênh những lúc trăng tà, sao thưa

### **GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA CA DAO, TỤC NGŨ**

Phản ánh trình độ nhận thức và nếp suy nghĩ của người bình dân, giá trị của tục ngữ, ca dao Việt Nam về phương diện tư tưởng có phần giới hạn. Đôi khi ta gặp một vài ý nghĩ không hợp với đạo lý hay có vẻ hẹp hòi. Đôi khi ta cũng thấy một số nhận xét thiếu sâu sắc hoặc mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên xét chung, tục ngữ và ca dao cho ta biết nhiều điều hữu ích về:

- Lịch sử đất nước
- Hình thể đất nước
- Kinh nghiệm của dân tộc về một số vấn đề thường thức
- Một số đặc điểm đáng quý hoặc đáng lưu ý của dân Việt
- Một số lời khuyên thực tiễn và hữu ích của tiền nhân

Lịch sử đất nước:

Con ơi con ngủ cho muõi (cho lành)

Để mẹ gánh nước đổ vôi (rửa bành) con vôi  
Muốn coi lên núi mà coi  
Coi bà quản tượng cưỡi voi đánh cộng

Nực cười châu chấu đá xe  
Tưởng rằng chấu nát, ai dè xe nghiêng

Đánh giặc thì đánh giữa sông  
Chớ đánh chỗ cạn vướng chông mà chìm

Tiệc thay cây quế châu Thường (giữa rừng)  
Để cho thẳng mán, thẳng mường nó leo

Tiệc thay hạt gạo trắng ngần  
Đã vo nước đục lại vẩn than rơm

Đời vua Thái tổ, Thái tông  
Con bể, con giặt, con bông, con mang  
Bò đen húc lẫn bò vàng  
Húc quỳnh húc quáng đâm quàng xuống sông

Đời vua Vĩnh tộ lên ngôi  
Cơm trắng đầy nồi tré chẳng buồn ăn

Đục cùn thì giữa lấy tông  
Đục long, cán gãy, còn mong nổi gì!

Khôn ngoan qua cửa sông La  
Để ai có cánh bay qua lũy Thầy

Anh về Bình định thăm cha  
Phú yên thăm mẹ, Khánh hoà thăm em

Làm trai cho đáng nên trai  
Phú xuân đã trải, Đồng nai cũng từng

Con mèò màò trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà  
Chú chuột đi chợ đàng xa  
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèò

Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên  
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm

Lạy trời cho cả gió nồm  
Cho thuyền chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra

Vạn niên là Vạn niên nào  
Thành xây xương lính, hào đào máu dân

Giặc Sài gòn đánh xuống  
Bình ngoài Huế không vô  
Anh biểu em đừng đợi đừng chờ  
Để anh đi lấy đầu trắng mọi trắng tể cờ nghĩa quân

Giặc Tây đánh đến Cần giờ  
Bậu đừng mong nhớ, đợi chờ uống công

Chẻ tre bện sáo cho dày  
Ngăn ngang sông Mỹ có ngày gặp em

Gáo vàng đi múc giếng Tây  
Khôn ngoan cho lắm, tứ thầy người ta

Nghĩ ra nông nổi thêm rầu  
Ở giữa Đồng khánh, hai đầu Hàm nghi

Tướng Võ không còn Nguyên Giáp nữa  
"Bác Hồ" cũng chẳng "Chí Minh" đâu

Hình thể và đặc điểm của đất nước:

Đồng đăng có phố Kỳ lừa

Có nàng Tô thị, có chùa Tam thanh  
Ai lên xứ Lạng cùng anh  
Bố công bác mẹ sinh thành ra ẹm

Sông Gầm, sông Chày, sông Lô  
Sông Đà, sông Đáy chảy vô Hồng hà  
Thái bình chi nhánh có ba  
Sông Cầu, sông Lục cùng là sông Thương  
Làm trai chí ở bốn phương  
Kỳ cùng cũng tới, Bằng giang cũng tượng

Sông Lô một dải trong ngàn  
Thành thơ ta rũ bụi trần cũng nên  
Sông Lô nước đục, bụi đen  
Ai lên phố Ẽn cũng quên đường về

Đường lên Mường Lễ bao xa  
Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh

Thành Hà nội năm cửa nàng ơi  
Sông Lục đầu sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng  
Nước sông Thương bên đục bên trong  
Núi đức Thánh Tản thắt cổ bông mà có thánh sinh  
Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh  
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây

Rủ nhau xem cảnh Kiếm hồ  
Xem cầu Thê húc, xem chùa Ngọc sơn  
Đài Nghiên, tháp Bút chưa mòn  
Hỏi ai gây dựng nên non nước nọ

Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Trấn võ, canh gà Thọ xương  
Mịt mù khói toả ngàn sương  
Nhịp chày Yên thái, mặt gương Tây hồ

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh  
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ  
Ai vô xứ Nghệ thì vô!  
Thương anh em cũng muốn vô  
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam giang

Lênh đênh qua cửa Thần phù  
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm

Đi bộ thì khiếp Hải vân  
Đi thuỷ thì sợ sóng thần hang Dơi

Đông ba, Gia hội hai cầu  
Trông lên Diêu đế bốn lầu, hai chuông

Núi Ngự bình trước tròn, sau méo  
Sông An cự nãi nắng đục, mưa trong

Chiều chiều mây phủ Hải vân  
Chim kêu ghềnh đá ngấm thân em buồn  
Tiếng ai than khóc nỉ non  
Là vợ chú lính trèo hòn Cù mông

Ai về Bình định mà coi  
Con gái Bình định múa roi đi quyền

Nhà Bè nước chảy chia hai  
Ai về Gia định, Đồng nai thì về!

Tỉnh Cần thơ nam thanh nữ tú  
Xứ Rạch giá vườn hủ chim kêu

Bạc liêu đi dễ, khó về  
Trai đi có vợ, gái về có cọn

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh  
Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm

Đền nào cao cho bằng đền Châu đốc  
Gió nào độc cho bằng gió Gò công

Trông lên chín chín ngọn HỒNG  
Ngó về chín khúc Cửu long dạt dào  
Non kia ai đắp mà cao  
Sông kia ai bồi, ai đào mà sâu

Kinh nghiệm của dân tộc về một số vấn đề thường thức:

Thời tiết:

Én bay thấp, mưa ngập bờ ao

Én bay cao, mưa rào lại tạnh

Chuồn chuồn bay thấp thì mưa

Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm

Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa  
Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão

Cơn đặng đông vừa trông vừa chạy  
Cơn đặng nam vừa làm vừa chơi  
Cơn đặng tây mưa dây gió giật

Thâm đông, hồng tây, dựng may  
Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi

Canh nông:

Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa

Được mùa cau, đau mùa lúa  
Được mùa lúa, úa mùa cau

Lúa chiêm nép ở đầu bờ  
Bỗng nghe tiếng sấm phất cờ mà lên

Mồng tám tháng tư không mưa  
Mẹ con bán cả cày bừa mà ăn

Ứng dụng thực tiễn:

Trăm hay không bằng tay quen

Học thầy không thầy học bạn

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

Phép vua thua lệ làng

Cờ bạc là bác thẳng bàn

Cửa nhà bán hết, tra chân vào cùm

Trai khôn tìm vợ chợ đông

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân

Đặc điểm, thổ sản địa phương:

Ăn Bắc, mặc Kinh

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Chẳng thanh chẳng lịch cũng người Trường an

Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến

Trai Cầu Vồng, Yên thế, gái Nội duệ, Cầu Lim

Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần

Nước mắm Vạn Vân, cá rô đầm Sặt

Muốn ăn bánh ít lá gai

Lấy chồng Bình định, sợ dài đường đi

Tệ đoan, bất công xã hội:

Cá lớn nuốt cá bé

Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ

Tiền vào quan như than vào lò

Muốn nói oan, làm quan mà nói

Con ơi ghi lấy câu này

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan

Tuần hà là cha kẻ cướp

Bố chồng như lông con phượng

Mẹ chồng như tượng mới tô

Nàng dâu là bồ đưng chửi

Tướng mạo:

Những người thắt đáy lưng ong

Vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con

Những người béo trọc béo tròn

Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngay  
Những người ti hí mắt lơn  
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người

Tâm lý:

Yêu nên tốt, ghét nên xấu

Yêu ai yêu cả đường đi  
Ghét ai ghét cả tông chi họ hàng

Mấy đời bánh đúc có xương  
Mấy đời dì ghè có thương con chồng

Khó khăn giữa chợ leo teo  
Ông cô bà cậu chẳng điều hỏi sao  
Giàu sang ở bên nước Lào  
Hùm tha, rắn cắn, tìm vào cho mậu

Gái thương chồng đờng đờng buổi chợ  
Trai thương vợ nặng quái chiều hôm

Một số đặc điểm đáng quý hoặc đáng lưu ý của dân tộc:

Tinh thần hi sinh và công lao khó nhọc của người đàn bà Việt Nam:

Hi sinh:

Có con phải khổ vì con

Có chồng phải gánh giang sơn cho chồng

Có con phải khổ vì con  
Có chồng phải ngậm bồ hòn đắng cay

Canh một dọn cửa dọn nhà  
Canh hai dẹt củi, canh ba đi nằm  
Canh tư bước sang canh năm  
Trình anh dạy học chớ nằm làm chị

Những ngày em ở cùng cha  
Cái nón tiền rưỡi, quai ba mươi đồng  
Đến khi em về cùng chồng  
Cái nón sáu đồng mà buộc quai mo

Xưa kia nón thúng quai thao  
Bây giờ nón rách, quai nào thì quai  
Vì chàng thiếp phải mò cua  
Như như thân thiếp thì mua mấy đồng  
Vì chàng nên phải mua mâm  
Như như thân thiếp bốc ngăm cho xong  
Vì chàng thiếp phải long đong  
Như như thân thiếp cũng xong một bề

Thương chồng nên phải gắng công  
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây!

Một ngày mấy bận trèo non  
Lấy gì mà đẹp mà dòn hỡi anh  
Một ngày mấy bận trèo đèo  
Lấy đâu má phấn lưng eo hỡi chàng

Đảm đang, nuôi chồng học:

... Nay anh học gần

Mai anh học xa  
Tiền gạo thì của mẹ cha  
Cái nghiên, cái bút thật là của em

Em thì canh củi trong nhà  
Nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng

Em là con gái Phụng thiên  
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng  
Nửa mai chồng chiếm bảng rồng  
Bổ công bón tưới vun trồng cho rau

Mùa hè cho chí mùa đông  
Mùa nào thức nấy cho chồng đi thi  
Hết gạo thiếp lại gánh đi  
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao

Chăm sóc gia đình khi chồng đi làm ăn nơi xa:

Nhà anh chỉ có một gian

Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng  
Anh cậy em coi sóc trăm đường  
Để anh buôn bán trầy thương thông hành  
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh  
Để anh buôn bán thông hành đường xa  
Em ơi, thuận với mẹ già  
Đừng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười  
Dù no dù đói cho tươi  
Khoan ăn bớt ngủ liệu bài lo toan  
Đói no có thiếp có chàng  
Còn hơn chung đỉnh, giàu sang một mình

Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc  
Con chàng còn trúng nước thơ ngây  
Có hay chàng ở đâu đây  
Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng

Chăm sóc gia đình khi chồng đi lính:

Trời ơi, sinh giặc làm chi

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường

- Thương nàng đã đến tháng sinh  
Ăn ở một mình, nường cậy vào ai  
Rồi ra sinh gái sinh trai  
Sớm khuya mưa nắng lấy ai bạn cùng

- Sinh gái thì em gả chồng  
Sinh trai lấy vợ mặc lòng thiếp lọ

Anh ơi, phải lính thì đi  
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi

Anh ơi, giữ lấy việc công  
Để em cày cấy mặc lòng em đây

Khuyên anh đi lính cho ngoan  
Cho dân được cấy, cho quan được nhờ  
Bao giờ lên đội, lên cơ  
Thì em sẽ quyết đợi chờ cùng ạnh

Lính vua, lính chúa, lính làng  
Nhà vua bắt lính cho chàng phải ra  
Giá vua bắt lính đàn bà  
Để em đi đỡ anh và bốn năm  
Bởi vua bắt lính đàn ông  
Tiền lưng gạo bị sắm trong nhà nạy

- Khen ai khéo tiện ngù cờ  
Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên  
- Tổ tiên để lại em thờ  
Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua  
Chàng ơi, thấy sớm hay trưa  
Để em gánh gạo tiễn đưa hành trình

Con cò lặn lội bờ sông  
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non  
Nàng về nuôi cái cùng con  
Để anh đi trẩy nước non Cao bằng

Anh đi, em ở lại nhà  
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ  
Lầm than bao quản muối dưa  
Anh đi, anh liệu chen đua với đợ

Đặc tính coi trọng nội dung hơn hình thức:

Dân Việt Nam, nhất là ở phía Nam của đất nước, với ảnh hưởng văn hoá Đông nam Á đậm hơn ảnh hưởng Trung hoa, có khuynh hướng thiên về nội dung hơn hình thức khi ứng dụng các nguyên tắc luân lý Thái độ của người con trước hôn nhân khi quan niệm của họ về người phối ngẫu không phù hợp với quan niệm của cha mẹ là một trường hợp điển hình

Nói chung, người thanh niên, thiếu nữ Việt Nam rất hiếu thảo với cha mẹ:

Má ơi, đừng đánh con hoài

Để con bắt cá, nấu xoài má ă

Bao giờ cho lý hoá long  
Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa

Ngó lên nuộc lạt trên nhà  
Đếm bao nhiêu nuộc lạt, thương cha mẹ già bấy nhiêu

Gió đưa cây cửi lý hương  
Xa cha xa mẹ, thất thường bữa ăn  
Sầu riêng cơm chẳng muốn ăn  
Đã bưng lấy bát lại dẫn xuống mâm

Ba tiền một khúc cá buôi  
Cũng mua cho được mà nuôi mẹ già  
Chẳng lo thân bậu với qua  
Lo chút mẹ già đầu bạc tuổi cao  
Đêm đêm mỗi thắp đèn trời  
Cầu cho cha mẹ sống đời với con

Ngó lên ngó xuống thì khuây  
Ngó về quê mẹ tràn đầy nhớ thương

Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiu

Chiều chiều ra đứng bờ sông  
Muốn về quê mẹ mà không có đò

Khi chữ hiếu mâu thuẫn với chữ tình:

Nơi thương, cha mẹ biểu không

Nơi chẳng bằng lòng, cha mẹ biểu ượng  
Chiều chiều ra đứng bờ mương  
Bên tình, bên hiếu, biết thương bên nào

người thanh niên, thiếu nữ Việt Nam cũng dám có ý kiến khác cha mẹ Tuy hiểu rằng cha mẹ muốn gả con vào chỗ giàu có là để con có cuộc sống vật chất đầy đủ, họ thẳng thắn trình bày nhận thức khác biệt của họ: Chẳng tham nhà ngói bức bàn

Trái duyên, coi bằng một gian chuồng gà  
Ba gian nhà rạ loà xoà  
Phải duyên, coi tựa chín toà nhà lim

Số em giàu, lấy khó cũng giàu  
Số em nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo  
Phải duyên, phải kiếp thì theo  
Thân em đâu quản khó nghèo làm chi  
Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì  
Giàu ăn, khó nhịn, lo gì mà lỏ

Thương nhau giàu khó chớ lo  
Một mai thiên địa lại cho xoay vận

Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn

Chồng em áo rách em thương  
Chồng người áo gấm xông hương mặc người

Họ mạnh dạn nói lên một sự thật: vì muốn gả con vào chỗ giàu có, cha mẹ nhiều khi có những lựa chọn không thích hợp:  
Đường đi những lách cùng lau

Cha mẹ tham giàu, ép uống duyên con

Cha mẹ đòi ăn cá thu  
Gà con xuống biển mù mù tăm tắp

Mẹ em tham thúng xôi dền  
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh hưng  
Em đã bảo mẹ rằng đừng  
Mẹ hăm mẹ hứ, mẹ bưng ngay vạo  
Bây giờ chồng thấp, vợ cao  
Như đôi đĩa lệch, so sao cho đều

Chồng lên tám, vợ mười ba  
Cả ngày nu nống nu na đỡ buồn  
Mười tám vợ đã lớn khôn  
Nu na nu nống, chồng còn mười ba  
Mẹ ơi, con phải gỡ ra  
Chồng con nu nống nu na suốt ngày!

Vô duyên vô phúc, mức phải anh chồng già  
Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng  
Nói ra đau đớn trong lòng  
Ấy cái nợ truyền kiếp chứ có phải chồng em đâu!

Cổ tay em vừa trắng vừa tròn  
Răng đen nhưng nhúc, chồng con kém người  
Đáng thương thay nhận ở với ruồi,  
Tiên ở với cú, người cười với ma,  
Con công ăn lẫn với gà  
Rồng kia rắn nọ, coi đà sao nển

Trong buồn lo, sợ hãi, người thanh niên, thiếu nữ Việt Nam dám cương ý cha mẹ để bảo vệ mối tình của mình Họ tha thiết xin cha mẹ nhìn nhận mối tình của họ Trong trường hợp cha mẹ vẫn không chấp nhận, họ sẵn sàng chịu đựng mọi hình phạt nhưng cương quyết không rời bỏ nhau:  
Mình ơi, tôi nhớ thương mình

Mẹ cha chửi mắng, chữ tình nặng thêm

Em thương anh, phụ mẫu đánh mấ em cũng không lo  
Nặng đòn em ráng chịu, em nằm co em khóc thậ

Dù cha có đánh mỗ đình  
Mẹ ngăn ngõ chợ, đôi lứa mình đừng xạ

Mặc dù cha đánh, mẹ treo,  
Đút dây té xuống cũng theo chung tịnh

Dao phay chín ngọn, em bắt trọn có một mình  
Chết em chịu chết, biếu buồng mình em không buồng

Dao phay kể cổ, máu đổ không màng  
Chết tôi tôi chịu, buồng nàng tôi không buồng

... Thủy chung em giữ trọn mấy lời  
Chết em chịu chết, lia đôi em không lị

Họ có thể không vâng ý cha mẹ tuy vẫn tôn trọng và kính yêu cha mẹ:

Mẹ cha tuy chẳng bằng lòng

Đôi ta cố gắng chữ đồng trăm năm

Hai đứa mình đành, phụ mẫu cũng đành  
Đặng làm cha mẹ đâu nỡ dứt duyên lành của con!

Dầu cho phụ mẫu rày la  
Đôi ta thúng thảng dặt ra lạy chào

Bấy lâu nay em còn nghi còn ngại  
Bữa nay em kêu đại bằng mình  
Phụ mẫu hay dặng, không lẽ đánh mình, giết ẻm

Chẳng thà dặt thẳng nhau vô  
Phụ mẫu có giết, thác một mồ cũng ưng!

Em đành, phụ mẫu không đành  
Hai đứa mình trái chiếu ngoài thành lạy vộ

Một số lời khuyên thực tiễn và hữu ích của tiền nhân:

Về cách xử thế:

Ăn có nhai, nói có nghĩ

Ăn trông nồi, ngồi trông hướng

Ăn miếng chả, trả miếng nem

Một sự nhịn, chín sự lành

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng

Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở

Cười người chớ vội cười lâu  
Cười người hôm trước, hôm sau người cười

Lời nói chẳng mất tiền mua  
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau

Giàu ba mươi tuổi chớ mừng  
Khó ba mươi tuổi em đừng vội lo

Có ý nghĩa luân lý:

Ăn cây nào, rào cây ấy

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối

Chị ngã, em nâng

Đói cho sạch, rách cho thơm

Thà ăn cáy, ngáy o o  
Còn hơn ăn bò mà lo ngay ngáy

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn  
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người

Ai mà phụ nghĩa, quên công  
Thì đeo muôn cánh hoa hồng chẳng thơm

Trăm năm bia đá thì mòn  
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ  
Những người gian ác thuở xưa  
Tiếng như gột rửa bao giờ cho phai

Tranh quyền cướp nước gì đây  
Coi nhau như bát nước đầy là hợm

Nhiều điều phủ lấy giá gương  
Người trong một nước phải thương nhau cùng

### **TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM:**

Hầu hết các dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam đều có những thần thoại về nguồn gốc vũ trụ và nguồn gốc loài người Chẳng hạn truyện "Đẻ đất, đẻ nước" của người Mường, các truyện về cơn đại hồng thủy vạ quả bầu khổng lồ, nơi phát xuất những con người đầu tiên trên đất Việt cổ và các vùng lân cận, trong hầu hết các sưu tập cổ tích của người Thái, Lolo, Hmong, Bana, Raglai, Sedang, Vân kiệu

Những chuyện Lạc Long quân trừ Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh; Thánh Tản viên (Sơn tinh) ngăn nước lụt của người Việt có thể xếp vào loại thần thoại về sự chinh phục thiên nhiên và kỳ tích của anh hùng

Những truyện "Cóc kiện trời", "Tại sao hổ có vằn", "Sự tích loài khỉ", "Sự tích con tu hú", "Sự tích con dã tràng"... trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam có thể xếp vào loại cổ tích về loài vật

Những truyện về Thánh Gióng, Chử Đồng tử, Bánh dày bánh chưng, Quả dưa đỏ, Sơn tinh Thủy tinh, Thần Kim quy và nỏ thần, Tô thị vọng phu, Thiều phụ Nam xương có thể xếp vào loại cổ tích lịch sử

Những truyện Trầu cau, Tấm Cám, Ba vị đầu rau, Túi ba gang (hai anh em và cây khế), Cây tre trăm đốt, Lưu Bình Dương Lễ, Cái cân thủy ngân, Giết chó dạy chông có thể xếp vào loại truyện luân lý

Những chuyện về sự dối trá của thằng Cuội, Trạng Quỳnh lỡm chúa Trịnh, Trạng Lợn gặp may, cũng như những giai thoại về Ba Giai, Tú Xuất có thể xếp vào loại truyện hài hước

Thêm vào đó, dân ta còn có những truyện thần kỳ, thoát tục như Tú Uyên gặp tiên, Từ Thức lên tiên (truyện Chử Đồng tử đã nhắc đến ở trên cũng có thể xếp vào loại này), và những truyện thần quái như Người lấy cóc, Sọ Dừa, Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Ma xọ Chúng ta cũng có một số truyện ái tình thuần túy như Trương Chi Mỵ nương

Một số truyện cổ tích của dân tộc Việt (như các truyện Trăm trứng trăm trai, Tấm Cám, Thạch Sanh, Sọ Dừa) cũng là truyện cổ tích của nhiều sắc dân thiểu số trên đất nước Việt Nam Một số truyện Việt Nam cũng có thể tìm thấy trong kho tàng cổ tích của một vài dân tộc khác ở Đông Nam Á

Một đặc điểm đáng lưu ý của các truyện cổ tích là không có văn bản nhất định Mỗi người kể lại đều có thể thêm bớt, thay đổi đôi chút cho hợp với khung cảnh và trình độ, thành phần thính giả